

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HS-ST

Ngày: 23/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi; Bà Hoàng Thị THúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HS ngày 09/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Trọng N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng S và bà Đỗ Thị M; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Viên Đình H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Viên Đình K và bà Đỗ Thị S ; bị cáo chưa có vợ con ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Phạm Thị L; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/12/2010 bị Công an quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000^d về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp tiền phạt xong ngày 06/01/2011. Bị cáo bị

tạm giam từ ngày 17/9/2019 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, theo Lệnh Tạm giam số 56/CSĐT ngày 16/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, có mặt.

- Bị hại: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1989, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã G, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết xã hội với nhau nên khoảng 19 giờ ngày 04/6/2019, Hoàng Trọng N điều khiển xe wave RSX là xe của ông Hoàng Trọng S (bố của Nam) chở Viên Đình Hưng đến nhà Nguyễn Văn Thụ ở thôn Bào Tiến, xã H, huyện Q chơi uống nước. N và T ngồi nói chuyện trong nhà, H ngồi uống nước ngoài sân. Biết T đang làm nhà nên N hỏi T “Anh có cần téc đựng nước không”, T trả lời “có”, N nói “để em đi kiếm cho”. Nghe N nói vậy, T nghĩ là N đem của nhà hoặc đi xin bình cũ đem bán cho T. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì N ra ngoài sân rủ H đi trộm téc nước về bán cho T thì H đồng ý. Khi N và H bàn bạc việc đi ăn trộm téc nước thì T không biết. N hỏi mượn chiếc xe kéo của T, thì T hỏi “mượn xe làm gì”, N nói “em đi có việc tỵ”, T đồng ý cho mượn xe kéo. N điều khiển xe mô tô của N chở H ngồi sau kéo theo chiếc xe kéo đi tìm téc nước để trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 05/6/2019 khi đi đến thôn 8, xã G, huyện Q cách trường THPT Nguyễn Xuân Nguyên khoảng 100m về phía thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, N quan sát thấy có nhà chị Bùi Thị C, sinh năm 1989 bán đồ điện dân dụng, có đặt 01 téc nước inox hãng Tân Á loại 1.000 lít ở ô đất trống bên cạnh trước cửa nhà, không có người trông coi. N và H quay lại bê téc nước bỏ lên xe kéo và kéo về nhà T. Đến khoảng 01 giờ ngày 05/6/2019, N và H kéo téc nước về nhà T và gọi T dậy để bán téc nước cho T. Thấy N đem téc nước vào đêm khuya nên T nghi N và H đã trộm téc nước ở đâu đó, nên T hỏi N “lấy được ở đâu”, N trả lời “lấy ở xã G”. Lúc này T biết đây là tài sản do N trộm cắp mà có, nhưng vì ham rẻ nên T đồng ý mua và thỏa thuận với N giá téc nước là 1.500.000^d. T đưa cho N 1.000.000^d, còn 500.000^d T trừ nợ do N còn nợ của T trước đó. Số tiền 1.000.000^d N và H đã tiêu sài hết 700.000^d, còn lại 300.000^d chia đôi mỗi người 150.000^d.

Ngày 03/7/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương đã kết luận: 01 téc nước bằng inox của hãng Tân Á, loại 1.000 lít, trị giá 2.100.000^d.

Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo, Nguyễn Văn T đã giao nộp lại téc nước cho cơ quan điều tra. Ngày 29/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã trả lại téc nước cho chị C, chị C đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu gì thêm về phần dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô wave RSX của ông Hoàng Trọng S và chiếc xe kéo của T mà N sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Khi N mượn xe thì cả ông S và T đều không biết N sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên không xử lý là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 49/Ctr-VKS ngày 19 tháng 9 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Quảng Xương để xét xử bị cáo Hoàng Trọng N và Viên Đình H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Trọng N và Viên Đình H;

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T;

- Đề nghị xử phạt: Bị cáo N từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng.

- Bị cáo H từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

- Bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù.

- Đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính từ N 1.000.000^d, từ H 500.000^d.

* Ý kiến của ba bị cáo: Thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, không thắc mắc gì và không có tranh luận gì.

* Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến: Chị Bùi Thị C đã nhận lại chiếc tét nước bị mất trộm và nay không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, về phần trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, cơ quan truy tố, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại, tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ và bị hại đã có lời khai, ý kiến trong quá trình điều tra. Xét thấy bị hại vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét lời khai của bị cáo Hoàng Trọng N, Viên Đình H, Nguyễn Văn T tại phiên tòa, thấy phù hợp với: Biên bản làm việc, lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, kết luận định giá và phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 05/6/2019, Hoàng Trọng N, Viên Đình H đã có hành vi lợi dụng vào sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 téc đựng nước hăng Tân Á loại 1.000 lít của gia đình chị Bùi Thị C, sinh năm 1989 ở thôn 8, xã G, huyện Q, trị giá 2.100.000^d. Sau khi trộm cắp được chiếc téc nước thì khoảng 01 giờ cùng ngày, N và H đem bán cho Nguyễn Văn T. Mặc dù Nguyễn Văn T không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết rõ chiếc téc nước do N và H trộm cắp được mà có, nhưng do hám rẻ nên H vẫn đồng ý mua chiếc téc với giá 1.500.000^d. T đã trả cho Nam 1.000.000^d, còn 500.000^d T trừ tiền N đã nợ của T trước đó.

Hoàng Trọng N, Viên Đình H, Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi trộm cắp một cách cố ý; hành vi của N, H đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của chị Nguyễn Thị C là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của Nguyễn Văn T đã xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Hoàng Trọng N, Viên Đình H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo N, H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để dẫn dắt đồng thời phòng ngừa chung.

Trong vụ án Hoàng Trọng N và Viên Đình H cùng thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, tuy nhiên chỉ thuộc dạng đồng phạm giản đơn. Trong đó, Hoàng Trọng N là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực, nên N giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; H khi được N rủ đi trộm cắp đã đồng ý và thực hành tích cực nên giữ vai trò thứ 2 sau N. Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm độc lập với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của ba bị cáo: Cả ba bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo N và H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo T

không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu thể hiện: Ngày 24/12/2010 bị Công an quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000^d về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp tiền phạt xong ngày 06/01/2011; trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị tạm giam từ ngày 17/9/2019 theo Lệnh Tạm giam số 56/CSĐT ngày 16/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, ba bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy cả ba bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã tự nguyện giao nộp lại chiếc téc nước để cơ quan Công an trả lại cho gia đình chị C, bố bị cáo T là người có công trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; đây có thể được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với T.

[2.4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo N, H có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo N và H hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để các bị cáo tự cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, khi đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thì lại tiếp tục bị khởi tố về tội “mua bán trái phép chất ma túy”. Vì vậy cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ý thức tuân theo pháp luật.

Ba bị cáo không có tài sản gì lớn, lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3] Xử lý vật chứng: Chiếc téc nước đã được trả lại cho bị hại là chị Bùi Thị C. N và H bán téc nước cho T lấy số tiền 1.500.000^d, T đã trừ số tiền N nợ là 500.000^d, còn lại 1.000.000^d N và H đã tiêu sài chung. Vì vậy cần truy thu số tiền thu lợi bất chính từ N là 1.000.000^d, truy thu từ H là 500.000^d.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: - Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Trọng N, Viên Đình H.

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

* Tuyên bố: - Bị cáo Hoàng Trọng N, Viên Đình H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Xử phạt: - Bị cáo Hoàng Trọng N 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Viên Đình H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Trọng N cho UBND xã H, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Giao bị cáo Viên Đình H cho UBND xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận chị Bùi Thị C đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 téc nước hãng Tân Á loại 1.000 lít. Chị C không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

* Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ N là 1.000.000^d, truy thu từ H là 500.000^d.

- Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Hoàng Trọng N, Viên Đình H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Thi hành án (để thi hành);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Thị Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lợi

Hoàng Thị Thúy

Lê Thị Hiệu

